



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1954/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hóa được
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Được ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Được ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Tờ trình số 7365/TTr-BCT ngày 15 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển công nghiệp hóa dược trở thành ngành công nghiệp chiến lược, công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, có năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị ngành dược phẩm, ngành hóa chất và các chuỗi giá trị công nghệ cao trong khu vực và trên thế giới; góp phần bảo đảm an ninh thuốc, nâng cao khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng và chủ động ứng phó với dịch bệnh, thiên tai, tình huống khẩn cấp và nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng.

2. Phát triển công nghiệp hóa dược theo chuỗi giá trị, từng bước làm chủ các khâu có ý nghĩa chiến lược từ nguyên liệu đầu vào, nguyên liệu khởi đầu, hóa chất trung gian đến hoạt chất, tá dược và các nguyên liệu làm thuốc khác;

ưu tiên nâng cao năng lực sản xuất trong nước đối với các nguyên liệu làm thuốc thiết yếu, chiến lược và có ý nghĩa đối với an ninh thuốc quốc gia, đồng thời đa dạng hóa nguồn cung đối với các nguyên liệu chưa có lợi thế sản xuất trong nước.

3. Phát triển công nghiệp hóa dược có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu thị trường, yêu cầu bảo đảm an ninh thuốc, lợi thế về nguồn dược liệu (thực vật, động vật, sinh vật biển, khoáng sản), nguồn lực và năng lực khoa học, công nghệ của Việt Nam; ưu tiên các sản phẩm, công nghệ và dự án có khả năng tạo giá trị gia tăng cao, thay thế nhập khẩu, nâng cao năng lực xuất khẩu và hình thành năng lực công nghiệp nền tảng.

4. Phát triển công nghiệp hóa dược theo hướng hiện đại, an toàn, xanh và bền vững trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo; từng bước làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và năng lượng, kiểm soát rủi ro hóa chất, bảo vệ môi trường, phát triển hóa học xanh và kinh tế tuần hoàn.

5. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hoạt động đầu tư, nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm; nhà nước giữ vai trò kiến tạo thông qua hoàn thiện thể chế, định hướng phát triển, hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế.

6. Phát triển công nghiệp hóa dược gắn với hội nhập quốc tế, thu hút có chọn lọc nguồn vốn, công nghệ, tri thức và năng lực quản trị từ các đối tác nước ngoài; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, phát triển năng lực công nghệ nội sinh và nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị hóa dược và dược phẩm toàn cầu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển công nghiệp hóa dược Việt Nam trở thành ngành công nghiệp công nghệ cao, hiện đại, có giá trị gia tăng cao và năng lực cạnh tranh; nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ sản xuất nguyên liệu làm thuốc; từng bước hình thành năng lực sản xuất công nghiệp đối với các nguyên liệu làm thuốc thiết yếu và chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ, giảm phụ thuộc vào nguồn cung nhập khẩu, góp phần bảo đảm an ninh thuốc quốc gia và thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành hóa chất Việt Nam, Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước và Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hình thành hệ sinh thái công nghiệp hóa dược gắn kết nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, sản xuất và thương mại hóa; nâng cao tỷ lệ sản xuất và sử dụng nguyên liệu làm thuốc trong nước, phát triển các sản phẩm hóa dược có giá trị gia tăng cao và nâng cao khả năng tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị ngành dược phẩm và hóa chất khu vực, toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Làm chủ, tiếp nhận và chuyển giao một số công nghệ tiên tiến; hình thành và phát triển sản xuất trong nước một số nguyên liệu làm thuốc thiết yếu, chiến lược và có lợi thế cạnh tranh, ưu tiên hoạt chất, nguyên liệu khởi đầu, hóa chất trung gian và tá dược; từng bước hình thành năng lực sản xuất công nghiệp và thương mại hóa sản phẩm hóa dược.

- Phân đầu đáp ứng khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu làm thuốc phục vụ sản xuất thuốc trong nước; trong đó ưu tiên nâng cao tỷ lệ tự chủ đối với các hoạt chất, nguyên liệu làm thuốc thiết yếu và chiến lược.

- Hình thành ít nhất 02 trung tâm nghiên cứu và triển khai về hóa dược đạt trình độ tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, có năng lực nghiên cứu, phát triển quy trình, thử nghiệm, mở rộng quy mô, chuyển giao và hỗ trợ thương mại hóa công nghệ, sản phẩm hóa dược.

- Phân đầu 100% cơ sở sản xuất hoạt chất, tá dược và nguyên liệu làm thuốc khác ở trong nước đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, thực hành tốt (GMP) và an toàn hóa chất theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn áp dụng đối với từng loại sản phẩm; tối thiểu 50% cơ sở sản xuất áp dụng các giải pháp số trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

- Thương mại hóa một số công nghệ và sản phẩm hóa dược có giá trị gia tăng cao; ưu tiên các sản phẩm có khả năng thay thế nguyên liệu nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu sản xuất thuốc trong nước và có tiềm năng xuất khẩu.

- Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm hóa dược có giá trị gia tăng cao đạt từ 10%/năm trở lên; từng bước hình thành một số sản phẩm hóa dược có khả năng tham gia vào chuỗi giá trị và thị trường khu vực, quốc tế.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Đến năm 2045, công nghiệp hóa dược Việt Nam trở thành ngành công nghiệp công nghệ cao, hiện đại, có năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng cao; hình thành hệ sinh thái nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ, sản xuất và thương mại hóa tương đối hoàn chỉnh; làm chủ và có năng lực cạnh tranh đối với một số công nghệ, nguyên liệu làm thuốc thiết yếu và chiến lược.

- Việt Nam có năng lực tự chủ cao hơn đối với nguồn cung nguyên liệu làm thuốc thiết yếu, bảo đảm an ninh thuốc và khả năng ứng phó với đứt gãy chuỗi cung ứng; đồng thời trở thành một trong những quốc gia có năng lực sản xuất, nghiên cứu và phát triển một số sản phẩm hóa dược có giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị hóa dược và dược phẩm khu vực, toàn cầu.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Giải pháp về thể chế, pháp luật

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về hóa chất, dược phẩm, đầu tư, khoa học, công nghệ và các pháp luật có liên quan; xây dựng cơ chế ưu đãi đầu tư có trọng tâm, trọng điểm đối với các dự án sản xuất nguyên liệu khởi đầu, hóa chất trung gian, hoạt chất, tá dược và nguyên liệu làm thuốc thiết yếu, chiến lược; xây dựng tiêu chí xác định dự án được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt, thu hút nhà đầu tư chiến lược, khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển công nghệ cao, công nghệ xanh và hình thành các khu, cụm công nghiệp chuyên ngành hóa dược gắn với hệ sinh thái nghiên cứu, sản xuất, logistics và dịch vụ kỹ thuật.

b) Xây dựng cơ chế phát triển thị trường và hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm hóa dược sản xuất trong nước, trong đó nghiên cứu cơ chế đặt hàng, mua sắm, sử dụng và ưu tiên lựa chọn nguyên liệu làm thuốc thiết yếu, chiến lược sản xuất trong nước; bao tiêu hoặc cam kết tiêu thụ có điều kiện đối với một số sản phẩm hóa dược đáp ứng yêu cầu về chất lượng, giá thành và an ninh nguồn cung.

c) Xây dựng cơ chế bảo đảm an ninh và khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng nguyên liệu làm thuốc; xác định danh mục nguyên liệu làm thuốc, hoạt chất và hóa chất chiến lược cần bảo đảm nguồn cung, dự trữ và đa dạng hóa nguồn nhập khẩu; nghiên cứu cơ chế dự trữ nhà nước, dự trữ doanh nghiệp hoặc dự trữ theo hợp đồng phù hợp với từng nhóm sản phẩm và tình huống.

d) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các yêu cầu quản lý chất lượng đối với nguyên liệu khởi đầu, hóa chất trung gian, hoạt chất, tá dược và các nguyên liệu làm thuốc khác phù hợp với đặc tính và mức độ rủi ro của từng nhóm sản phẩm; cập nhật, hoàn thiện các chuyên luận của Dược điển Việt Nam phù hợp với thực tiễn sản xuất và yêu cầu hội nhập quốc tế.

đ) Rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý hóa chất phục vụ nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và sản xuất thử trong lĩnh vực hóa dược theo hướng phù hợp với quy mô, mục đích sử dụng và mức độ rủi ro; nghiên cứu cơ chế quản lý riêng đối với cơ sở thử nghiệm (pilot), thử nghiệm và mở rộng quy mô công nghệ hóa dược nhằm rút ngắn thời gian từ nghiên cứu đến sản xuất công nghiệp, đồng thời bảo đảm an toàn hóa chất, môi trường và sức khỏe người lao động.

e) Hoàn thiện cơ chế sở hữu, khai thác, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ và công nghệ hóa dược hình thành từ nguồn vốn nhà nước và nguồn vốn xã hội; khuyến khích liên kết giữa viện, trường và doanh nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích và tạo động lực đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa công nghệ.

g) Nghiên cứu cơ chế thí điểm, thử nghiệm chính sách có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm và mô hình sản xuất hóa dược mới chưa được quy định đầy đủ trong pháp luật hiện hành; xây dựng cơ chế cập nhật định kỳ danh mục nguyên liệu làm thuốc thiết yếu, chiến lược và danh mục công nghệ, sản phẩm ưu tiên trên cơ sở nhu cầu thị trường, mức độ phụ thuộc nhập khẩu, rủi ro chuỗi cung ứng, năng lực công nghệ và lợi thế cạnh tranh của Việt Nam.

h) Phân công rõ cơ quan đầu mối và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng và thực hiện chính sách phát triển công nghiệp hóa dược; bảo đảm phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, khoa học và công nghệ, quản lý dược, đầu tư, tài chính và môi trường; thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, chia sẻ dữ liệu và đánh giá định kỳ để tránh chồng chéo nhiệm vụ, chính sách và nguồn lực.

2. Giải pháp về khoa học - công nghệ, nhân lực và đào tạo

a) Triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển công nghiệp hóa dược, tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, phát triển và làm chủ công nghệ; hoàn thiện quy trình, thử nghiệm, mở rộng quy mô, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm. Ưu tiên các công nghệ và sản phẩm có ý nghĩa đối với an ninh thuốc, có mức độ phụ thuộc nhập khẩu cao, có nhu cầu thị trường lớn, có giá trị gia tăng cao hoặc Việt Nam có lợi thế về nguồn nguyên liệu và khả năng phát triển công nghệ, bao gồm nguyên liệu khởi đầu, hóa chất trung gian, hoạt chất, tá dược và nguyên liệu làm thuốc có nguồn gốc sinh học, dược liệu và sinh vật biển.

Tập trung phát triển các công nghệ nền tảng và công nghệ tiên tiến về tổng hợp, chiết tách, tinh chế, công nghệ sinh học, peptit và các công nghệ hóa dược có khả năng tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng thay thế nguyên liệu nhập khẩu, hình thành chuỗi sản xuất trong nước và phát triển sản phẩm có khả năng xuất khẩu.

Hình thành ít nhất 02 trung tâm nghiên cứu và triển khai về hóa dược có năng lực nghiên cứu, phát triển quy trình, phân tích, thử nghiệm, pilot, mở rộng quy mô và chuyển giao công nghệ; gắn kết chặt chẽ với cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. Đối với các khu vực thực hiện sản xuất thử nghiệm hoặc sản xuất nguyên liệu làm thuốc, áp dụng các tiêu chuẩn GMP phù hợp với phạm vi hoạt động.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, làm chủ, hoàn thiện, mở rộng quy mô và chuyển giao công nghệ; ưu tiên phát triển quy trình sản xuất các hoạt chất có nhu cầu lớn, hoạt chất phục vụ sản xuất thuốc thiết yếu, hoạt chất có giá trị gia tăng cao và các sản phẩm có khả năng thay thế nhập khẩu. Khuyến khích phát triển các công nghệ và sản phẩm mới, tá dược thế hệ mới và các công nghệ hóa dược có tiềm năng tạo lợi thế cạnh tranh.

Tăng cường đầu tư và nâng cấp có trọng điểm hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở pilot và cơ sở thực nghiệm phục vụ nghiên cứu, phát triển quy trình, thử nghiệm, mở rộng quy mô, chuyển giao và thương mại hóa; việc đầu tư hạ tầng gắn với danh mục công nghệ, sản phẩm ưu tiên, nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp và khả năng khai thác, vận hành bền vững.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện lộ trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ toàn bộ chuỗi giá trị công nghiệp hóa dược, từ nghiên cứu, phát triển quy trình, phân tích, pilot, mở rộng quy mô, sản xuất, quản lý chất lượng, chuyển giao công nghệ đến quản trị doanh nghiệp và phát triển thị trường. Ưu tiên đào tạo chuyên sâu về hóa học tổng hợp, hóa học quy trình, công nghệ sinh học, peptit, phân tích, GMP, bảo đảm chất lượng/kiểm soát chất lượng (QA/QC), thẩm định, chuyển giao công nghệ, sản xuất thông minh, chuyển đổi số, an toàn hóa chất và quản trị công nghiệp.

Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở nghiên cứu trong đào tạo theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; khuyến khích đào tạo tại phòng thí nghiệm, cơ sở pilot và cơ sở sản xuất; phát triển các chương trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao và đào tạo theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hóa dược và hội nhập quốc tế.

d) Xây dựng cơ chế ưu đãi và chính sách phù hợp để thu hút chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư và nhà quản lý có trình độ cao là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo và phát triển công nghiệp hóa dược tại Việt Nam; khuyến khích hình thành mạng lưới chuyên gia quốc tế và cơ chế hợp tác theo nhiệm vụ, dự án, chương trình nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Ưu tiên thu hút chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn về phát triển quy trình, mở rộng quy mô, sản xuất hoạt chất (API), GMP, công nghệ sinh học, phân tích, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm.

3. Giải pháp về hợp tác quốc tế

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế có trọng tâm, trọng điểm trong lĩnh vực công nghiệp hóa dược nhằm tiếp nhận, hấp thụ, làm chủ và phát triển công nghệ, đào tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư có chọn lọc, mở rộng thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị hóa dược khu vực và toàn cầu. Ưu tiên hợp tác với các quốc gia có thế mạnh về sản xuất nguyên liệu đầu vào, hóa chất trung gian, hoạt chất, tá dược, công nghệ sinh học và các công nghệ hóa dược tiên tiến; các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và các tập đoàn dược phẩm, hóa chất đa quốc gia có năng lực về nghiên cứu, phát triển, sản xuất và chuyển giao công nghệ.

Tập trung xây dựng và triển khai các chương trình, dự án hợp tác cụ thể về nghiên cứu chung, phát triển và làm chủ công nghệ, phát triển quy trình, thử nghiệm, mở rộng quy mô, chuyển giao công nghệ, đào tạo và phát triển nhân

lực, phát triển cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D) và pilot, thu hút đầu tư và phát triển sản xuất các nguyên liệu làm thuốc thuộc danh mục ưu tiên của Chương trình. Khuyến khích các dự án đầu tư nước ngoài có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, phát triển nhà cung cấp trong nước và liên kết với doanh nghiệp Việt Nam.

Tăng cường hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, chất lượng, kiểm nghiệm, GMP, đánh giá sự phù hợp và công nhận nhằm nâng cao năng lực của Việt Nam trong sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu làm thuốc. Hình thành mạng lưới đối tác quốc tế phục vụ phát triển công nghiệp hóa dược, trong đó ưu tiên các chương trình, dự án có kết quả đầu ra cụ thể về công nghệ, sản phẩm, đầu tư, nhân lực và thị trường.

b) Tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên để thu hút đầu tư có chọn lọc, phát triển các cơ sở sản xuất hóa dược tại Việt Nam, mở rộng thị trường xuất khẩu và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Ưu tiên phát triển các sản phẩm, công nghệ và chuỗi sản xuất có khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thị trường của các đối tác FTA; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc và các quy định kỹ thuật của thị trường xuất khẩu.

4. Giải pháp về xúc tiến thương mại, thông tin và truyền thông

a) Hỗ trợ doanh nghiệp hóa dược trong nước mở rộng thị trường, tăng cường liên kết, hợp tác, liên doanh với doanh nghiệp trong và ngoài nước; kết nối các nhà sản xuất nguyên liệu đầu vào, hóa chất trung gian, hoạt chất, tá dược và nguyên liệu làm thuốc với các doanh nghiệp sản xuất thuốc, tổ chức phân phối và khách hàng trong nước và quốc tế. Ưu tiên xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm, công nghệ hóa dược thuộc danh mục ưu tiên của Chương trình, có khả năng thay thế nhập khẩu, có giá trị gia tăng cao và có tiềm năng xuất khẩu.

Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại theo từng thị trường và từng nhóm sản phẩm ưu tiên; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam kết nối với đối tác, khách hàng và các tập đoàn dược phẩm quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, tìm kiếm khách hàng và phát triển thị trường xuất khẩu; đồng thời chủ động theo dõi, cảnh báo và xử lý các rủi ro về phụ thuộc thị trường, gian lận xuất xứ, cạnh tranh không lành mạnh và đứt gãy chuỗi cung ứng.

b) Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển thương hiệu ngành hàng hóa dược Việt Nam; lựa chọn một số sản phẩm hóa dược tiêu biểu theo các tiêu chí về công nghệ, chất lượng, giá trị gia tăng, quy mô và tiềm năng thị trường, mức độ thay thế nhập khẩu, khả năng cạnh tranh và xuất khẩu để hỗ trợ xây dựng thương hiệu và quảng bá trên thị trường trong nước và quốc tế. Phấn đấu xây dựng thương hiệu cho ít nhất 05 sản phẩm hóa dược tiêu biểu đến năm 2030.

Nghiên cứu, lựa chọn và đề xuất một số sản phẩm hóa dược có tiềm năng trở thành sản phẩm quốc gia theo quy định và tiêu chí phù hợp, ưu tiên các sản phẩm có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, khả năng cạnh tranh quốc tế và đóng góp quan trọng vào bảo đảm an ninh thuốc.

c) Xây dựng, cập nhật và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thị trường, doanh nghiệp, sản phẩm, năng lực sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng và nhu cầu đối với nguyên liệu đầu vào, hóa chất trung gian, hoạt chất, tá dược và nguyên liệu làm thuốc trong nước và quốc tế; cung cấp thông tin về giá cả, nhu cầu thị trường, đối tác, khách hàng, quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, rào cản thương mại, quy tắc xuất xứ và cơ hội thị trường từ các FTA.

Tăng cường cung cấp thông tin, minh bạch hóa chất lượng, tiêu chuẩn và năng lực sản xuất của doanh nghiệp hóa dược trong nước; nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp dược và các chủ thể trong chuỗi cung ứng về khả năng cung ứng, chất lượng và hiệu quả kinh tế của nguyên liệu làm thuốc sản xuất trong nước; hỗ trợ kết nối với người mua và phát triển thị trường ổn định cho sản phẩm hóa dược trong nước.

5. Giải pháp về tài chính và đầu tư

a) Huy động và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp hóa dược; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực về công nghệ, tài chính, quản trị và thị trường; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có khả năng sản xuất nguyên liệu đầu vào, hóa chất trung gian, hoạt chất, tá dược và nguyên liệu làm thuốc có giá trị gia tăng cao, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế có liên quan.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư gắn với chuyển giao công nghệ, phát triển R&D tại Việt Nam, đào tạo nhân lực, liên kết với doanh nghiệp trong nước, phát triển chuỗi cung ứng nội địa và mở rộng xuất khẩu. Triển khai hiệu quả các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư và kết nối với các tập đoàn, doanh nghiệp đa quốc gia; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm hóa dược; phát triển khu công nghệ cao, khu, cụm công nghiệp chuyên ngành hóa dược trên cơ sở nhu cầu đầu tư, khả năng hình thành chuỗi liên kết sản xuất và quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công để triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về hóa dược; ưu tiên đầu tư các trung tâm nghiên cứu và triển khai, hạ tầng nghiên cứu, cơ sở pilot và các hạ tầng dùng chung phục vụ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, mở rộng quy mô, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm hóa dược.

c) Rà soát, phát huy hiệu quả và phối hợp sử dụng các nguồn lực từ các quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm hóa dược; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng tạo ra công nghệ, sản phẩm và năng lực sản xuất trong nước thuộc danh mục ưu tiên của Chương trình.

Khuyến khích cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp trích lập, sử dụng các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật cho nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản xuất thử nghiệm, đổi mới công nghệ và thương mại hóa sản phẩm hóa dược. Nghiên cứu, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý và sử dụng các quỹ để đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp.

d) Nghiên cứu cơ chế huy động vốn trung và dài hạn, cơ chế đồng tài trợ và chia sẻ rủi ro phù hợp với quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ các dự án nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, mở rộng quy mô và đầu tư sản xuất các sản phẩm hóa dược có tính chiến lược, công nghệ cao, rủi ro đầu tư lớn nhưng có ý nghĩa đối với an ninh thuốc, tự chủ chuỗi cung ứng hoặc có tiềm năng xuất khẩu. Khuyến khích doanh nghiệp huy động vốn đối ứng và chịu trách nhiệm tiếp nhận, làm chủ công nghệ, đầu tư sản xuất và thương mại hóa kết quả.

Nghiên cứu cơ chế kết nối dự án đầu tư với doanh nghiệp tiêu thụ, khách hàng; khuyến khích hình thành các hợp đồng cung ứng dài hạn, đặt hàng hoặc các hình thức cam kết thị trường phù hợp với quy định của pháp luật nhằm giảm rủi ro thị trường và tạo điều kiện huy động vốn đầu tư.

đ) Thống nhất đầu mối và phân định rõ trách nhiệm trong quản lý, điều phối các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về hóa dược; tăng cường phối hợp giữa Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan trong xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất mục tiêu, không chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng và nguồn lực.

e) Việc triển khai các cơ chế, chính sách và nhiệm vụ của Chương trình phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; không làm phát sinh cơ chế ưu đãi về thuế, phí, lệ phí ngoài phạm vi pháp luật quy định. Đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước phải đánh giá đầy đủ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, sự cần thiết, hiệu quả, tính khả thi và khả năng cân đối nguồn lực; ưu tiên lồng ghép với các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không hỗ trợ trùng lặp và huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước.

6. Danh mục dự án, chương trình trọng điểm thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hóa

Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dự án, chương trình trọng điểm phát triển công nghiệp hóa dược. Danh mục được xây dựng trên cơ sở đánh giá yêu cầu cấp thiết về nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, thương mại hóa sản phẩm hóa dược; xây dựng các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm dùng chung; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận và chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu hóa dược; đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển công nghiệp hóa dược. Việc đầu tư các chương trình, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình; điều phối hoạt động giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình trên phạm vi cả nước; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật.

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chương trình trong đó xác định đầy đủ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thẩm quyền, trách nhiệm, tiến độ, kết quả theo phương châm “6 rõ”; bảo đảm thống nhất mục tiêu, nội dung và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Chương trình.

c) Chủ trì phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế huy động, đa dạng hóa nguồn lực tài chính, tín dụng, đầu tư và các cơ chế hỗ trợ phù hợp để phát triển công nghiệp hóa dược theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng, rà soát, cập nhật danh mục sản phẩm, nguyên liệu, công nghệ và các lĩnh vực hóa dược ưu tiên phát triển công nghiệp; trên cơ sở nhu cầu sử dụng thuốc, mức độ phụ thuộc nhập khẩu, năng lực sản xuất trong nước, tiềm năng công nghệ, thị trường và khả năng huy động nguồn lực. Việc xác định danh mục thuốc, hoạt chất và nguyên liệu làm thuốc thiết yếu thực hiện theo chức năng, thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về dược và các quy định pháp luật có liên quan; rà soát, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa dược theo phạm vi quản lý nhà nước được phân công.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát, đề xuất phát triển các khu, cụm công nghiệp hóa dược hoặc lồng ghép chức năng sản xuất hóa dược trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm khả năng hình thành chuỗi liên kết sản xuất, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất và hiệu quả sử dụng đất, hạ tầng.

e) Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thương mại hóa sản phẩm hóa dược, tập trung vào hoàn thiện quy trình công nghệ, sản xuất thử nghiệm, pilot, mở rộng quy mô, chuyển giao công nghệ, phát triển sản xuất công nghiệp và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; xây dựng danh mục nhiệm vụ ưu tiên và nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặt hàng theo quy định của pháp luật.

g) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ chế chuyển tiếp kết quả từ các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sang các nhiệm vụ hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, mở rộng quy mô và thương mại hóa; bảo đảm kết quả nghiên cứu có tiềm năng được tiếp tục hỗ trợ đến giai đoạn ứng dụng và sản xuất.

h) Chủ trì phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, phát triển thị trường và thu hút các dự án sản xuất nguyên liệu làm thuốc; thúc đẩy sử dụng sản phẩm hóa dược sản xuất trong nước phù hợp với quy định của pháp luật và các chiến lược, chương trình, đề án có liên quan.

i) Xây dựng và vận hành cơ chế theo dõi, đánh giá thực hiện Chương trình trên cơ sở bộ chỉ tiêu, chỉ số đánh giá; xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát và điều hành Chương trình.

k) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, số liệu, nội dung báo cáo, đề xuất tại Tờ trình số 7365/TTr-BCT ngày 15 tháng 9 năm 2026.

2. Bộ Y tế

a) Chủ trì xác định nhu cầu, định hướng phát triển và yêu cầu đối với các hoạt chất, nguyên liệu làm thuốc và sản phẩm hóa dược phục vụ sản xuất thuốc trong nước; phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xác định các sản phẩm, nguyên liệu hóa dược ưu tiên phát triển gắn với nhu cầu sản xuất và sử dụng thuốc trong nước.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn và thúc đẩy việc sử dụng sản phẩm hóa dược, nguyên liệu làm thuốc sản xuất trong nước để sản xuất thuốc phù hợp với quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Công Thương phát triển thị trường đối với các sản phẩm hóa dược trong nước.

c) Chủ trì rà soát, cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước về dược liên quan đến đăng ký, kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng và lưu hành nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm hóa dược sử dụng làm thuốc và thuốc hóa dược; tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, sản xuất và lưu hành sản phẩm được sản xuất từ nguồn nguyên liệu hóa dược trong nước theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặt hàng, mua sắm, phát triển thị trường và các hình thức ưu đãi trong đấu thầu đối với thuốc được sản xuất trong nước từ nguồn nguyên liệu hóa dược sản xuất trong nước, phù hợp với pháp luật về dược, đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) Phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xác định yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn, công nghệ và khả năng ứng dụng đối với các sản phẩm hóa dược được ưu tiên nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì hướng dẫn, quản lý và phát huy hiệu quả các nguồn lực, quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất các sản phẩm hóa dược theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm, tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, phát triển và làm chủ công nghệ tổng hợp hóa dược, sinh tổng hợp, công nghệ sinh học, công nghệ peptit và các công nghệ tiên tiến khác thuộc phạm vi của Chương trình.

c) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung các công nghệ và sản phẩm hóa dược có đủ điều kiện vào các danh mục công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao và các danh mục ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng cơ chế đánh giá, lựa chọn và chuyển tiếp các kết quả nghiên cứu có tiềm năng ứng dụng sang giai đoạn hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, mở rộng quy mô, chuyển giao và thương mại hóa.

đ) Phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế và các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ phát triển công nghiệp hóa dược theo quy định của pháp luật.

e) Phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và tổ chức liên quan thúc đẩy đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực hóa dược.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy hoạch, phát triển vùng trồng, vùng khai thác dược liệu và các nguồn nguyên liệu sinh học phục vụ sản xuất nguyên liệu làm thuốc; bảo đảm khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan xác định nhu cầu và định hướng phát triển nguồn nguyên liệu dược liệu, nguyên liệu sinh học phục vụ các nhiệm vụ hóa dược thuộc Chương trình.

5. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan tổng hợp, cân đối và bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định, theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và phân cấp ngân sách để thực hiện Chương trình; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan rà soát, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư nhằm huy động các nguồn lực xã hội, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, đổi mới công nghệ, sản xuất nguyên liệu làm thuốc và thương mại hóa sản phẩm hóa dược theo quy định của pháp luật.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan rà soát, cập nhật chuẩn chương trình đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa dược, phù hợp với nhu cầu phát triển ngành và các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

b) Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, thực hành, thực tập, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hóa dược.

c) Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học tham gia xây dựng và phát triển các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm đổi mới sáng tạo và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu phục vụ phát triển công nghiệp hóa dược; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thẩm quyền được giao; lồng ghép các nhiệm vụ phát triển công nghiệp hóa được vào các chương trình, kế hoạch có liên quan của địa phương; căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, bố trí kinh phí theo phân cấp và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện.

b) Chủ động xúc tiến, thu hút và hỗ trợ triển khai các dự án đầu tư hóa được trên địa bàn; phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan trong hướng dẫn, giải quyết thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

c) Rà soát quy hoạch, ưu tiên bố trí quỹ đất và phát triển hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao có định hướng phát triển công nghiệp hóa được; bảo đảm yêu cầu về môi trường, an toàn hóa chất, xử lý chất thải và các điều kiện hạ tầng cần thiết theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa được trên địa bàn; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức khoa học và công nghệ.

đ) Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan cung cấp, cập nhật, chia sẻ thông tin phục vụ xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu về công nghiệp hóa được; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

8. Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức có liên quan

a) Chủ động xây dựng, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu, phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, đầu tư sản xuất và thương mại hóa sản phẩm hóa được phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và quy định của pháp luật.

b) Doanh nghiệp chủ động huy động nguồn lực và thực hiện vốn đối ứng theo quy định; tiếp nhận, làm chủ, hoàn thiện và thương mại hóa công nghệ; tăng cường liên kết với cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và các đối tác trong và ngoài nước.

c) Các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ và phối hợp với doanh nghiệp trong phát triển, thử nghiệm, hoàn thiện và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

9. Cơ chế phối hợp và nguyên tắc tổ chức thực hiện

a) Việc phân công trách nhiệm thực hiện Chương trình được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan và theo từng khâu của

chuỗi giá trị công nghiệp hóa dược; bảo đảm mỗi chương trình, nhiệm vụ có một đầu mối chủ trì, xác định rõ cơ quan phối hợp, trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả đầu ra.

b) Bộ Công Thương là đầu mối điều phối chung; Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; Bộ Công Thương chủ trì các nhiệm vụ hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, mở rộng quy mô, chuyển giao và thương mại hóa; Bộ Y tế chủ trì các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về dược, nhu cầu sử dụng, chất lượng, đăng ký và phát triển thị trường thuốc.

c) Các chương trình, nhiệm vụ thuộc Chương trình phải được rà soát, phối hợp và quản lý thống nhất, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về mục tiêu, nội dung, đối tượng và nguồn lực với các chương trình, đề án, nhiệm vụ khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Việc đánh giá kết quả thực hiện Chương trình được thực hiện trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ đã được phê duyệt; chú trọng các kết quả thực chất về công nghệ được làm chủ, sản phẩm được thương mại hóa, năng lực sản xuất trong nước, mức độ thay thế nhập khẩu, huy động vốn đầu tư, phát triển thị trường và đào tạo nguồn nhân lực.

đ) Việc triển khai Chương trình phải bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, không làm phát sinh cơ chế ưu đãi về thuế, phí, lệ phí ngoài phạm vi pháp luật quy định; đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, điều kiện, tiêu chí và khả năng cân đối nguồn lực theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Các nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình, kế hoạch và hoạt động đã được phê duyệt hoặc đang triển khai theo Quyết định số 270/QĐ-TTg được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành hoặc đến khi được cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế theo quy định của Quyết định này.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc rà soát, chuyển tiếp, điều chỉnh và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án đang triển khai theo Quyết định số 270/QĐ-TTg, bảo đảm thống nhất, liên tục, không làm gián đoạn việc thực hiện Chương trình và phù hợp với quy định của Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: TH, KTTH, NN, CN, QHĐP, QHQT, CDS, CTTCP;
- Lưu: VT, KGVX (2b).



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Thị Thanh Trà